

Số: 914 /QĐ-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc)
tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 16/9/2019 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 08 tháng 9 năm 2019;

Xét đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 08 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 35 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Trong đó:

- Tiếng Anh: 15 thí sinh
- Tiếng Trung Quốc: 20 thí sinh

(Có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, NNTH.



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH, TIẾNG TRUNG QUỐC) TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 2 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo QĐ số 9/14 /QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 17 tháng 9 năm 2019 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. TIẾNG ANH

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	01	TA01	Vũ Tú Anh	15/7/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0055	19	47	5	71	A2
2	01	TA02	Phạm Vũ Minh Châu	14/4/1997	Hung Yên	Nữ	D-CNTP5A	15DCNTP0210	15	46	9	70	A2
3	01	TA03	Nguyễn Văn Hải	29/8/1997	Hà Giang	Nam	D-QLTN5A	15DQLTN0318	19	42	9	70	A2
4	01	TA05	Dương Ngô Hoàng	07/9/1998	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN6A	16DKT0340	18	44	11	73	A2
5	01	TA06	Nghiêm Xuân Hùng	13/12/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY16A	15CTY0038	18	43	9	70	A2
6	01	TA08	Nguyễn Thị Huyền	18/02/1998	Hà Nội	Nữ	D-THUY6B	16DTY0472	19	51	11	81	A2
7	01	TA10	Trần Đình Long	01/11/1998	Hà Nội	Nam	D-THUY6B	16DTY0480	18	48	12	78	A2
8	01	TA11	Ngô Thị Ly	14/01/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KINHTE5A	15DKT0007	17	47	8	72	A2
9	01	TA13	Phản Lỡ Mây	15/9/1997	Lào Cai	Nữ	D-THUY5A	15DTY0300	21	40	10	71	A2
10	01	TA14	Đào Như Ngọc	22/12/1996	Hòa Bình	Nam	D-CNSH5A	15DCNSH0035	20	43	8	71	A2
11	01	TA15	Nguyễn Văn Phúc	30/01/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4B	14DTY0205	22	40	9	71	A2
12	01	TA17	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/6/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE5A	15DKT0011	16	48	9	73	A2
13	01	TA18	Lò Văn Thắng	12/4/1996	Lai Châu	Nam	D-THUY4B	14DTY0209	19	41	10	70	A2
14	01	TA19	Dương Quốc Thiện	20/01/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0088	15	49	6	70	A2
15	01	TA21	Dương Văn Toàn	08/3/1995	Bắc Giang	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0434	18	45	7	70	A2

Danh sách gồm 15 thí sinh./.

2. TIẾNG TRUNG QUỐC

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI			Kết quả
									NGHE	ĐỌC	TỔNG ĐIỂM	
1	02	TQ01	Ngô Thị An	17/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0129	91	100	191	Đạt
2	02	TQ02	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/04/1998	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0328	86	100	186	Đạt
3	02	TQ03	Nguyễn Thị Bắc	18/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0393	83	92	175	Đạt
4	02	TQ04	Vũ Thị Bích	22/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0329	74	96	170	Đạt
5	02	TQ05	Nguyễn Thị Thanh Duyên	18/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0016	91	92	183	Đạt
6	02	TQ06	Chu Thị Hào	01/08/1998	Ninh Bình	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0336	77	80	157	Đạt
7	02	TQ07	Nguyễn Văn Hoàng	24/10/1996	Hòa Bình	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0014	86	96	182	Đạt
8	02	TQ08	Hoàng Thị Huệ	27/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0341	86	100	186	Đạt
9	02	TQ09	Đoàn Thị Hương	04/02/1998	Hưng Yên	Nữ	D-THUY6A	16DTY0415	97	100	197	Đạt
10	02	TQ10	Chu Thị Kim	16/11/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-KHCT7A	17DKHCT0125	91	100	191	Đạt
11	02	TQ11	Âu Thùy Na	07/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-KHCT7A	17DKHCT0131	66	100	166	Đạt
12	02	TQ12	Nguyễn Thanh Nga	07/6/1993	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0353	64	96	160	Đạt
13	02	TQ13	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0355	80	84	164	Đạt
14	02	TQ14	Trần Văn Sơn	27/10/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6C	16DTY0497	83	96	179	Đạt
15	02	TQ15	Nguyễn Bình Thảo	24/10/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	164CNTY0035	92	96	188	Đạt
16	02	TQ16	Chu Văn Thế	20/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0036	91	88	179	Đạt
17	02	TQ17	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0503	86	92	178	Đạt
18	02	TQ18	Nguyễn Văn Thủy	26/5/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0505	89	96	185	Đạt
19	02	TQ19	Lê Ngọc Minh Tiến	31/12/1998	Hưng Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0506	97	96	193	Đạt
20	02	TQ20	Bùi Thị Tú Uyên	01/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0517	97	96	193	Đạt

Danh sách gồm 20 thí sinh./.

Thư ký Hội đồng thi



Nghiêm Xuân Đạt



Chủ tịch Hội đồng thi
Phó Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Tuấn Điệp